

Cần Thơ, ngày tháng năm 2018

## BÁO CÁO

### Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm học 2017-2018

#### I. Đối tượng và số lượng sinh viên tham gia khảo sát

- Đối tượng: Y học dự phòng K38, Y tế công cộng K40
- Số tham gia khảo sát: 99/112 sinh viên (88,4%)

#### II. Nội dung khảo sát:

- + Khảo sát ý kiến về toàn khóa học:
  - Mục tiêu và nội dung CTĐT.
  - Hoạt động giảng dạy trong khóa học.
  - Tổ chức đào tạo và đánh giá sinh viên.
  - Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập.
  - Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên.
- + Tự đánh giá kết quả đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo:
  - Đánh giá năng lực, kiến thức, kỹ năng đạt được.
  - Đánh giá năng lực bản thân theo chuẩn đầu ra của CTĐT.

#### III. Hình thức khảo sát và thời gian khảo sát

- Khảo sát trực tuyến từ ngày 08/6/2018 đến ngày 20/7/2018.

#### IV. Kết quả khảo sát

##### 1. Ý kiến về CTĐT

T T	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	CTĐT có mục tiêu rõ ràng.	32.45	49.16	16.14	1.77	0.48
2	Nội dung CTĐT phản ánh các mục tiêu của chương trình.	28.67	52.29	16.71	1.77	0.56
3	CTĐT có khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lý.	24.50	45.86	21.29	7.31	1.04
4	CTĐT có khối lượng môn học chuyên ngành hợp lý.	27.71	49.80	18.71	3.05	0.72
5	Các môn học trong CTĐT có sự gắn kết với nhau.	26.91	50.84	19.28	2.65	0.32
6	CTĐT có sự phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành hợp lý.	26.10	47.47	21.53	4.34	0.56
7	CTĐT bao gồm những môn học cung cấp kỹ năng cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp	26.75	52.61	18.15	2.09	0.40
8	SV có đủ thông tin về CTĐT trong quá trình học tập.	25.86	53.01	19.12	1.37	0.64
9	SV tự tin đã hiểu biết về CTĐT	22.81	54.06	19.84	2.73	0.56

## 2. Ý kiến về việc người học được khuyến khích tham gia NCKH

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học	37.2	43.1	15.6	3.2	0.9

## 3. Ý kiến về hoạt động đào tạo

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Hoạt động giảng dạy của khóa học gắn với định hướng nghề nghiệp	27.55	51.08	18.07	2.65	0.64
2	Đại đa số GV giảng dạy khoá học có kiến thức chuyên môn cao	31.49	52.53	14.06	1.61	0.32
3	Đại đa số GV giảng dạy khoá học có phương pháp giảng dạy phù hợp.	25.70	49.32	20.80	3.37	0.80
4	Đại đa số GV giảng dạy khoá học giúp sinh viên biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn.	26.43	48.59	20.80	3.69	0.48
5	Đại đa số GV giảng dạy khoá học lắng nghe quan điểm của SV và sẵn sàng chia sẻ quan điểm của mình.	25.14	47.63	22.09	4.10	1.04
6	Các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình.	26.27	51.89	19.68	1.45	0.72
7	Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên.	24.74	46.35	22.01	5.62	1.29
8	SV được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập	26.67	52.85	17.75	1.93	0.80
9	Kế hoạch học tập tạo thuận lợi cho SV: lựa chọn môn học, lịch học, tự học, tự nghiên cứu và sinh hoạt.	24.26	46.59	22.65	5.22	1.29
10	Kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực của sinh viên.	24.42	49.48	21.37	3.69	1.04
11	Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho sinh viên.	22.65	48.76	21.93	5.38	1.29

## 4. Ý kiến về cung cấp kiến thức và mức độ đạt kiến thức

- Cung cấp kiến thức:

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết	39.4	49.8	9.5	1	0.4
2	Khóa học giúp sinh viên có được những kỹ năng nghề nghiệp	39.3	47.7	11.8	0.8	0.5
3	Khóa học giúp sinh viên phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật,...).	30.04	52.13	16.31	1.04	0.48

- Mức độ đạt về kiến thức sau khóa học:

TT	Nội dung	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Kiến thức chung về văn hóa, xã hội	31.8	52.8	14.6	0.5	0.3
2	Kiến thức cơ bản	32.1	51.7	15.3	0.6	0.3
3	Kiến thức chuyên ngành	23.6	56.9	18.6	0.5	0.4
4	Khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn	30	54.1	15.2	0.6	0.2

#### 5. Mức độ đạt theo chuẩn đầu ra

TT	Chuẩn đầu ra	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Có khả năng vi tính đáp ứng được yêu cầu công việc	20.4	50.7	26.7	1.8	0.3
2	Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và NCKH	15	45.6	34.9	4	0.5
3	Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường sức khỏe	17.8	46.8	32.1	2.7	0.6
4	Hiểu biết luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, BV và NCSK nhân dân	21.1	45.4	28.9	4	0.6
5	Nắm được kiến thức cơ bản về y học cơ sở, triệu chứng học, bệnh học, chẩn đoán, xử trí được các bệnh phổ biến tại cơ sở y tế	19	52.1	26.7	1.9	0.3
6	Nắm được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý	17.8	50	29.4	2.4	0.3
7	Nắm được những quy luật cơ bản về sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và NCSK	17.7	51.2	29.1	1.6	0.4
8	Phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương công tác và đề xuất được các biện pháp phòng chống dịch phù hợp và tham gia tổ chức phòng chống dịch	17.4	46.3	32.1	3.6	0.6
9	Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn	15.5	37	34.9	11.4	1.2
10	Thực hiện được công tác tư vấn, GDSK, tổ chức chăm sóc bảo vệ và NCSK nhân dân	18.3	49.1	29.3	2.8	0.4
11	Thực hiện được một số xét nghiệm của tuyền y tế cơ sở	18.1	49	28.6	3.6	0.7

#### 6. Mức độ đạt kỹ năng mềm

TT	Nội dung	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
1	Kỹ năng giao tiếp được rèn luyện từ khóa học	39	46.5	12.2	1.7	0.5
2	Kỹ năng tư duy sáng tạo	29.9	50.5	18.5	0.9	0.2

TT	Nội dung	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Kém
3	Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu	38	46	13.9	1.9	0.2
4	Kỹ năng làm việc nhóm	36.8	46.7	13.7	2.3	0.6
5	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	25.5	44.8	27	2.6	0.2
6	Kỹ năng quản lý, điều hành	25.1	50.2	22.6	1.7	0.4
7	Khả năng lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân	45.4	43.5	10.4	0.5	0.2
8	Kỹ năng giải quyết vấn đề	33.7	51.6	13.8	0.6	0.3
9	Kỹ năng làm việc độc lập	36.2	50.9	12.2	0.5	0.2
10	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch	32.3	50.9	16	0.6	0.2
11	kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề	32.8	50.6	16.1	0.2	0.3
12	Kỹ năng thuyết trình	28.6	49.1	20.5	1.6	0.2
13	Kỹ năng viết báo cáo tham luận	26.9	46.9	23.1	2.8	0.3
14	Kỹ năng sử dụng máy vi tính	35	48.9	15.5	0.4	0.2
15	Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin	32.8	50.3	15.8	0.9	0.2
16	Tính kiên trì, và kỷ luật trong công việc	40.5	45.6	12.9	0.8	0.2
17	Ý thức học tập cầu tiến	39.9	46.1	13.3	0.5	0.2
18	Ý thức tập thể, cộng đồng	43.4	44.6	11.5	0.3	0.2

### 7. Ý kiến về CSVC, hoạt động phục vụ học tập, tư vấn, hỗ trợ sinh viên

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho sinh viên trong học tập.	26.5	46.3	18.6	6.7	1.9
2	Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên	37.4	49	12.3	0.9	0.4
3	Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học.	32.3	46.6	16.3	3.6	1.2
4	Thư viện Trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học.	31.8	52	14.6	1.3	0.4
5	Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh Viên.	31	52.3	14.8	1.5	0.4
6	Các hoạt động Đoàn - Hội trong Trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với SV.	27.8	50.6	17	3.7	0.9
7	Các quy định về chế độ, chính sách đối với SV được Trường quan tâm giải quyết kịp thời.	28.1	52.7	17.1	1.5	0.5
8	Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hoà nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV.	27.7	50.3	18.9	2.2	0.8
9	Cố vấn học tập (Giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập.	31.9	49	15.8	2.7	0.7

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Rất đồng ý</b>	<b>Đồng ý</b>	<b>Tạm chấp nhận</b>	<b>Ít đồng ý</b>	<b>Không đồng ý</b>
10	Khoa quan tâm tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.	28.8	50.3	18.3	2.1	0.5
11	Trường đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của SV.	20.9	38.9	20	14.8	5.4
12	Trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV.	28	51.1	18	2.2	0.7
13	Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV.	28.8	54.5	14.9	1.5	0.4

### **8. Nhận định chung của sinh viên**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Rất hài lòng</b>	<b>Hài lòng</b>	<b>Tạm chấp nhận</b>	<b>Hài lòng ít</b>	<b>Không hài lòng</b>
1	Hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học	39.8	46.9	11.5	1.3	0.5
2	Sinh viên tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường	35.6	48.7	14.4	1.1	0.2
3	Khóa học này tạo được hứng thú cho sinh viên	37.5	44.6	14.9	2.3	0.7